

Số: 763/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Tin học,
Công nghệ, Môi trường - Vinacomin**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin;

Căn cứ kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin ngày 26/4/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024, bao gồm:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty với các chỉ tiêu chính sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023
1	Vốn điều lệ	tr.đ	18.200
2	Doanh thu	"	183.338
3	Giá trị sản xuất tự làm	"	114.910
4	Lợi nhuận trước thuế	"	5.447
5	Cổ tức	%	12
6	Đầu tư XDCB	tr.đ	2.111,6
7	Lao động bình quân	người	144
8	Quỹ lương	tr.đ	28.300
9	Thu nhập BQ	ngđ/ng/th	16.377

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch chính thức
1	Vốn điều lệ	tr.đ	18.200
2	Doanh thu	"	180.000
3	Giá trị sản xuất tự làm	"	108.818
4	Lợi nhuận trước thuế	"	5.480
5	Cổ tức	%	≥ 8
6	Đầu tư XDCB	tr.đ	1.895
7	Lao động bình quân	người	148
8	Quỹ lương	tr.đ	29.815
9	Đơn giá tiền lương (không bao gồm quỹ lương Người quản lý Công ty)	đ/1000đ GTSX	259
10	Thu nhập BQ	Ngđ/ng/th	16.787

Đại hội uỷ quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ra quyết định giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 cho phù hợp với điều kiện thực tế thì Đại hội cổ đông uỷ quyền cho HĐQT xem xét ra quyết định điều chỉnh kế hoạch.

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023, phương hướng hoạt động năm 2024 theo Văn bản số 679/VITE-HĐQT ngày 05/4/2024.

3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2023, thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo Văn bản số 680/VITE-BKS ngày 05/4/2024.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2023

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
<u>A- Tình hình tài chính</u>		
I. Tài sản ngắn hạn	121.238.371.560	106.182.890.315
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.385.921.818	8.236.922.944
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	106.153.038.778	88.612.389.400

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
4. Hàng tồn kho	4.669.173.354	9.287.289.413
5. Tài sản ngắn hạn khác	30.237.610	46.288.558
II. Tài sản dài hạn	15.822.062.521	13.253.244.000
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định	14.140.740.722	11.771.020.390
- Nguyên giá	79.667.377.382	81.075.835.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	(65.526.636.660)	(69.304.815.599)
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3. Bất động sản đầu tư		
4. Tài sản dở dang dài hạn		
5. Đầu tư tài chính dài hạn		
6. Tài sản dài hạn khác	1.681.321.799	1.482.223.610
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	137.060.434.081	119.436.134.315
III. Nợ phải trả	105.652.061.625	88.510.003.367
1. Nợ ngắn hạn	105.652.061.625	88.510.003.367
2. Nợ dài hạn		
IV. Vốn chủ sở hữu	31.408.372.456	30.926.130.948
I. Vốn chủ sở hữu	29.403.087.856	30.252.083.461
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu.	18.200.000.000	18.200.000.000
Trong đó: Vốn góp của Nhà nước	9.282.000.000	9.282.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		
3. Vốn khác của chủ sở hữu	217.854.610	217.854.610
4. Quỹ đầu tư phát triển	6.655.006.062	7.517.274.217
5. Quỹ dự phòng tài chính		
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
7. Lợi nhuận chưa phân phối	4.330.227.184	4.316.954.634
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	2.005.284.600	674.047.487
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	137.060.434.081	119.436.134.315
B - Kết quả sản xuất kinh doanh		Năm 2023
1. Tổng doanh thu		183.338.220.677
2. Lợi nhuận trước thuế		5.446.565.568
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN		4.316.954.634
4. Tổng nộp ngân sách trong năm		5.256.489.051
C- Các chỉ tiêu đánh giá khác		
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)		2,36
2. Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)		23,72

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		2,9
4. Tổng quỹ lương		28.300.000.000
5. Số lao động bình quân (người)		144
6. Tiền lương bình quân đ/người/tháng		16.377.315

5. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2023 như sau:

Phân chia lợi nhuận năm 2023

Nội dung	Giá trị (đồng)
1. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023:	5.446.565.568
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp và khác:	1.129.610.934
3. Lợi nhuận sau thuế {(1) - (2)}:	4.316.954.634
3.1 Chia cổ tức năm 2023 (12% vốn điều lệ 18,2 tỷ đồng):	2.184.000.000
3.2 Trích quỹ đầu tư phát triển: (0% LN còn lại sau khi trả cổ tức):	0
3.3 Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ($\leq 0,85$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2023):	2.008.544.634
3.4 Trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp ($\leq 1,5$ tháng lương thực hiện của người quản lý chuyên trách năm 2023):	124.410.000

Đại hội ủy quyền cho Giám đốc Công ty ra quyết định chia cổ tức năm 2023 cho các cổ đông.

6. Thông qua danh sách Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo Văn bản số 681/TTr-VITE ngày 05/4/2024 của Ban kiểm soát Công ty. Đại hội ủy quyền HĐQT Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán trên cơ sở danh sách đề xuất, giao Giám đốc Công ty ký hợp đồng thuê kiểm toán năm 2024.

7. Thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty.

7.1. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2023:

- Chi lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách 2023: **327.600.000 đồng.**

- Chi thù lao năm 2023 (HĐQT, BKS không chuyên trách Công ty): **249.120.000 đồng.**

- Chi thưởng viên chức quản lý không chuyên trách năm 2023: **31.200.000 đồng.**

- Chi thưởng Trưởng ban kiểm soát Công ty năm 2023: **33.291.100 đồng.**

Tổng số tiền thù lao 2023: **641.211.100 đồng.**

7.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2024:

- Chi lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: **378.000.000 đồng.**

- Chi thù lao (HĐQT, BKS) không chuyên trách: **249.120.000 đồng.**

Việc chi trả thù lao thực tế của HĐQT, BKS gắn với mức độ đóng góp và hiệu quả sản xuất kinh doanh và kết quả quản lý, điều hành của từng thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn TKV.

8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh:

- Bổ sung chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết bổ sung: + Đo đạc phát thải khí nhà kính, lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải. + Xây dựng báo cáo kiểm kê khí phát thải, thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí phát thải.	7490

Đại hội giao HĐQT Công ty thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh với Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty có trách nhiệm tiến hành các công việc được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 uỷ quyền trong Nghị quyết này và các công việc khác thuộc trách nhiệm quy định trong Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật./. *thang*

Nơi nhận: *thang*

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cán bộ quản lý Công ty;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Hải

